

Soạn Văn 9 VNEN bài 10: Bài thơ về tiểu đội xe không kính

A. Hoạt động khởi động.

1. Suru tâm và giới thiệu một bức tranh hoặc một bài thơ về người lính Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Bài làm:

Suru tâm 1:

Đắp cho anh nắm đất mặn nơi này
Nơi anh ngã muối ngấm vào vết đạn
Xót thịt xót xương, xót người nằm xuống
Thủy triều lên nắm mộ cũng ngập chìm

Rừng đước này chưa bao giờ lặng im
Lấn ra biển suốt ngàn năm bão táp
Người đất này chưa một ngày bình yên
Sống lau lách cả trăm năm giữ đất

Người còn sống đi đón người đã khuất
Xuống ghe đưa các anh về nghĩa trang
Từ hoang vắng mọi ngả rừng, gốc rạch
Các anh về đây ở thành xóm thành làng.

(Trích: Nghĩa trang trong rừng đước- Nguyễn Duy)

Suru tâm 2:

Đường sang tây không phải đường thư
Đường chuyển đạn và đường chuyển gạo
Đông Trường Sơn, cô gái "Ba sẵn sàng" xanh áo
Tây Trường Sơn, bộ đội áo màu xanh

Từ nơi em gửi đến nơi anh
Những đoàn quân trùng trùng ra trận
Như tình yêu nổi lời vô tận
Đông Trường Sơn, nói Tây Trường Sơn.

(Trích: Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây- Phạm Tiến Duật)

B. Hoạt động hình thành kiến thức.

1. Đọc văn bản: Bài thơ về tiểu đội xe không kính.

2. Tìm hiểu văn bản.

a. Em có nhận xét gì về nhan đề bài thơ? Nếu bỏ "bài thơ" thì ý nghĩa nhan đề có thay đổi không?

Bài làm:

Nhan đề: "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" gây ấn tượng và gợi suy ngẫm cho người đọc:

- Rõ ràng đây là một bài thơ, vậy mà tác giả lại ghi là "*Bài thơ*". Việc tác giả thêm vào hai chữ "*bài thơ*" ở đây là muốn thể hiện chất thơ, cái đẹp xuất phát từ hiện thực, từ tâm hồn hào hoa lãng mạn, lạc quan yêu đời của người lính — tuổi trẻ Việt Nam giữa khói bom lửa đạn với đầy niềm tự hào, chiến đấu và chiến thắng.
- Nhan đề mang đề tài của bài thơ: Tiểu đội xe không kính. Tiểu đội là đơn vị cơ sở nhỏ nhất trong biên chế của quân đội ta. Cái tên gọi cho người đọc tính khốc liệt của chiến tranh. Một cái tên trần trụi, không mỹ miều, hàm súc như bao nhan đề bài thơ khác, đối lập với quan niệm cái đẹp văn chương thuần túy. Cái đẹp với Phạm Tiến Duật là từ trong những diễn biến sôi động của cuộc sống mà ulla vào thơ.

Nếu bỏ hai chữ: "*bài thơ*" ta sẽ đánh mất đi dụng ý của tác giả khi muốn bộc bạch chất thơ từ chính hiện thực khốc liệt nơi chiến trường. Cụ thể hai chữ "*bài thơ*" nói lên cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả: không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính hay là cái khốc liệt của chiến tranh, mà chủ yếu là Phạm Tiến Duật muốn nói lên chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ Việt Nam dũng cảm, hiên ngang, vượt lên những thiếu thốn, gian khổ, khắc nghiệt của chiến tranh.

b. Tìm trong bài thơ những từ, hình ảnh miêu tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên và chiến tranh. Theo em, tác giả có dụng ý gì khi tái hiện môi trường thiên nhiên và bom đạn thảm khốc như vậy?

Bài làm:

- Thiên nhiên: gió vào xoa mắt đắng, mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
- Chiến tranh: bom giật bom rung kính vỡ đi rồi, bụi phun tóc trắng,...

=> Thông qua tái hiện sự khốc liệt của thiên nhiên và chiến tranh dọc con đường mà đoàn xe chạy qua đó thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời của những người lính lái xe trên đường ra mặt trận. Sự kiên cường anh dũng đối mặt của họ khi luôn phải đối mặt với hiểm nguy bom đạn trên chiến trường chính là nét đẹp trong tâm hồn cốt cách người chiến sĩ Việt Nam yêu nước, yêu quê hương.

c. Người lính lái xe hiện lên như thế nào trong bài thơ (tư thế, bản lĩnh, ý chí, tâm hồn...)

Bài làm:

Hình ảnh những người lính lái xe trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính đã cho ta thấy được họ là những con người quả cảm với:

- Tư thế rất ung dung: Khi lái xe trên một chiếc xe tàn, mà các chiến sĩ vẫn dũng cảm, ung dung và vui tươi, các chiến sĩ nhìn trời, nhìn đất một cách rất bình thản và thản nhiên => Thể hiện nên sự ung dung, tập trung lái xe của những chiến sĩ trên đường hành quân.
- Bản lĩnh của những người chiến sĩ: kiên cường không sợ hiểm nguy lái những chiếc xe không kính trên khung đường hiểm nguy, chông gai, đầy bom đạn.
- Thể hiện giọng điệu rất ngang tàn, bất chấp của các chiến sĩ
- Tinh thần bất chấp khó khăn, nguy hiểm, dù thế nào họ vẫn vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ
- Tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn
- Dù có khó khăn gian khổ họ vẫn vượt qua để đem lại hòa bình, độc lập cho dân tộc

d. Khổ thơ cuối bài thơ có ý gì đặc biệt về giọng điệu và cách thể hiện?

Bài làm:

Ngôn từ, hình ảnh, vần thơ, giọng thơ..đều mang chất lính, thể hiện một hồn thơ trẻ trung phơi phới, tài hoa, anh hùng. Đoạn thơ trên là một tiếng ca của khúc tráng ca Bài thơ tiểu đội xe không kính thể hiện ý chí kiên cường nguyện hi sinh hết mình để bảo vệ nền độc lập tự do cho dân tộc.

Cách thể hiện của đoạn thơ cũng vô cùng đặc biệt: Đoạn thơ là sự đối lập giữa hai phương diện vật chất và tinh thần giữa bên trong và bên ngoài chiếc

xe. Trải qua mưa bom, bão đạn, những chiếc xe ban đầu đã không kính giờ thì càng trần trụi hơn: "không đèn, mui; thùng xe xước" kết hợp giữa biện pháp liệt kê và điệp ngữ "không có" được lặp lại ba lần nhằm nhấn mạnh sự thiếu thốn và mức độ ác liệt của chiến tranh. Nhưng điều kì lạ là không gì có thể lay chuyển ý chí quyết tâm của người lính. Mọi thứ của chiếc xe không còn nguyên vẹn, nhưng "chỉ cần trong xe có một trái tim" thì xe vẫn chạy băng băng ra chiến trường. Hình ảnh "trái tim" là một hoán dụ thật đẹp và cũng là một ẩn dụ sâu xa mang nhiều ý nghĩa. Nó hội tụ cái vẻ đẹp tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ sống cao đẹp mà thiêng liêng. Trái tim chứa đựng bản lĩnh hiên ngang, dũng cảm, tinh thần lạc quan và một niềm tin mãnh liệt vào ngày thống nhất đất nước. Nó đã trở thành nhãn tự của bài thơ, cô đúc ý của toàn bài, hội tụ vẻ đẹp của người lính và để lại ấn tượng sâu lắng trong lòng người đọc. Những người lính là tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mỹ đầy oanh liệt của dân tộc

3. Nghị luận đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

- (1) Một đàn ếch đi ngang qua khu rừng và hai con ếch bị rơi xuống một cái hố....
- (2) Thấy lão nằn nì mãi tôi đành phải chắt nhận vậy. Lúc lão ra về tôi còn hỏi:....

Câu hỏi:

- (1) Phương thức biểu đạt chính của hai đoạn trích trên là gì?
- (2) Ngoài ra, tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào khác? Phương thức biểu đạt ấy có vai trò gì trong mỗi đoạn trích?

Bài làm:

- (1) Phương thức biểu đạt chính của hai đoạn trích trên là tự sự.
- (2) Ngoài ra, tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nghị luận đóng vai trò nêu ra bài học rút ra từ câu chuyện(đoạn (1)) và những dòng bình luận của ông giáo về cái tốt ở đời giờ đây cũng bị chính thực tại cuộc sống tha hóa con người (đoạn (2))

b. Trong đoạn trích kể về Thúy Kiều báo ân báo oán (trích Truyện Kiều) tác giả kể lại cuộc đối thoại giữa Kiều và hoạn thư như sau:

Thoắt trông nàng đã chào thưa

....

Truyền quân lệnh xuống trưởng tiền tha ngay.

- (1) Trong đoạn trích trên Hoạn Thư đã đưa ra những luận điểm gì để thuyết phục Kiều?
- (2) Kiều đã đáp lại lời của Hoạn Thư bằng những lí lẽ và hành động gì?
- (3) Qua cuộc đối đãi trong đoạn trích tính cách Kiều và Hoạn Thư được thể hiện như thế nào?

Bài làm:

(1) Trong đoạn trích trên Hoạn Thư đã đưa ra những luận điểm gì để thuyết phục Kiều:

- Thứ nhất: mình là đàn bà, ghen tuông là chuyện bình thường.
- Thứ hai: mình đã đối xử rất tốt với cô khi cô chếp kinh ở “Quan Âm Các”.
- Thứ ba: mình và cô đều là cánh chồng chung nên chẳng nhường cho nhau được ...
- Thứ tư: dù sao mình đã gây ra nhiều đau khổ cho cô, giờ đây mình chỉ còn trông vào lòng khoan dung rộng lớn của cô.

(2) Kiều đã đáp lại lời của Hoạn Thư bằng những lí lẽ: "Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời." Dưới những lí lẽ của Hoạn Thư, Thúy Kiều nhận thấy trong mỗi câu nói đều thấu tình đạt lí cũng không thể phản biện nên đã khen thay cho Hoạn Thư có tài biện hộ đạt đến trình độ trác việt và truyền tha Hoạn Thư sau tất cả những điều mà Hoạn Thư đã làm với mình.

(3) Qua cuộc đối đãi trong đoạn trích tính cách của các nhân vật:

- Thúy Kiều là một người thấu tình hiểu nghĩa, nhân hậu, bao dung
- Hoạn Thư hiện lên trước hết là một con người khôn ngoan, giáo hoạt, lời lẽ xảo biện để rồi chính sự thông minh của người đàn bà lọc lõi lẽ đời đã khiến Hoạn Thư thoát khỏi án tử, bản án cũng trở nên vô hiệu.

c. Theo em yếu tố nghị luận có vai trò gì trong văn tự sự? Khi nào cần đưa ra yếu tố nghị luận vào văn tự sự?

Bài làm:

Vai trò của yếu tố nghị luận trong văn tự sự: gửi gắm một ý nghĩ, một tư tưởng, triết lí nào đó khiến câu chuyện có chiều sâu và ý nghĩa hơn, để lại ấn tượng cho người đọc

C. Hoạt động luyện tập.

1. Luyện tập đọc hiểu văn bản *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.

So sánh những nét chung và riêng trong việc thể hiện hình tượng người lính trong tác phẩm *Đồng chí* của Chính Hữu và bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật

Bài làm:

Điểm giống và khác nhau về hình ảnh anh bộ đội trong hai bài thơ:

Giống nhau:

- Mục đích chiến đấu: Vì nền độc lập của dân tộc.
- Luôn có tinh thần vượt qua mọi khó khăn, gian khổ.
- Họ rất kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu.
- Họ có tình cảm đồng chí, đồng đội sâu nặng.

Khác nhau:

- Người lính trong bài thơ “Đồng chí” mang vẻ đẹp chân chất, mộc mạc của người lính xuất thân từ nông dân.
- Người lính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” luôn trẻ trung sôi nổi, vui nhộn với khí thế mới mang tinh thần thời đại.

2. Ôn tập và kiểm tra về truyện kí trung đại.

a. Hoàn thiện bảng sau vào vở:

STT	Tên văn bản bản văn đoạn trích	Thể loại (truyện kí, truyện thơ, kí, tiểu thuyết chương hồi)	Tác giả	Nội dung chủ yếu	Đặc sắc về nghệ thuật

--	--	--	--	--	--

Bài làm:

STT	Tên văn bản bản đoạn trích	Thể loại (truyện kí, truyện thơ, kí, tiểu thuyết chương hồi)	Tác giả	Nội dung chủ yếu	Đặc sắc về nghệ thuật
1	Chuyện người con gái Nam Xương	Truyện truyền kỳ mạn lục	Nguyễn Dữ	Phẩm chất tốt đẹp và số phận oan trái của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến	Khắc hoạ quá trình tâm lí và tính cách nhân vật, nghệ thuật kể chuyện sinh động, hấp dẫn
2	Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh	tùy bút	Phạm Đình Hổ	Cuộc sống xa hoa của vua chúa, quan lại phong kiến	Nghệ thuật viết tùy bút chân thực, hấp dẫn
3	Hoàng Lê nhất thống chí	cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi.	Ngô gia văn phái	Vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công	Lối văn trần thuật đặc sắc kết hợp với miêu tả chân thực, sinh động

				đại phá quân Thanh, sự thảm bại của bọn xâm lược và số phận bi thảm của lũ vua quan phản nước, hại dân.	
4	Truyện Kiều	truyện Nôm bác học	Nguyễn Du	Cảm hứng nhân văn, nhân đạo, sự trân trọng sắc đẹp, tài năng, phẩm cách con người	Bút pháp nghệ thuật ước lệ, nghệ thuật miêu tả và khắc hoạ hình tượng đặc sắc
5	Truyện Lục Vân Tiên	Truyện thơ Nôm	Nguyễn Đình Chiểu	Khát vọng cứu đời, giúp người, ca ngợi tinh thần trọng nghĩa, khinh tài	Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, lối kể chuyện tự nhiên, sinh động

b) Bằng những hiểu biết về truyện Kiều của Nguyễn Du và truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, hãy chỉ ra những đặc điểm tiêu biểu của truyện thơ

Bài làm:

Truyện thơ thường là thơ lục bát, có tính nhạc, vần điệu, truyện thơ có sự việc, đối thoại, miêu tả, tình huống giống với truyện tự sự

1. Qua đoạn trích Chị em Thúy Kiều, Cảnh ngày xuân và Kiều ở lầu Ngưng Bích, em hãy so sánh hoàn cảnh xuất thân, thân phận của Kiều trước và trong khi lưu lạc từ đó hãy giải thích câu mở đầu của truyện Kiều:

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Bài làm:

- Kiều trước khi gia biến, lưu lạc: là người con gái sinh ra trong gia đình "bậc trung", sống kín đáo, được tôn trọng, vừa thông minh, xinh đẹp vừa tài năng, sống trong cảnh "êm đềm chướng rủ màn che" chưa vương bụi trần.
- Kiều sau khi gia biến, lưu lạc: bị trao qua bán lại, bị hắt hủi, chà đạp về nhân phẩm, tâm hồn đa sầu đa cảm ấy càng ý thức và tủi hờn cho thân phận nhỏ bé bị chà đạp của mình.

=> Câu thơ "Trải qua một cuộc bể dâu/ Những điều trông thấy mà đau đớn lòng" cho thấy tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du đối với thân phận, cuộc đời của người phụ nữ trong xã hội cũ.

d) Em hiểu gì về truyện truyền kì? Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố kì "trong tác phẩm chuyện người con gái Nam Xương"

Bài làm:

Truyện truyền kì là một loại hình tự sự bằng văn xuôi, thuộc văn học viết. Theo Thi pháp văn học trung đại Việt Nam thì truyện truyền kì Trung Quốc thường có bố cục gồm ba phần:

- a) Mở đầu: giới thiệu nhân vật (tên họ, quê quán, tính tình phẩm hạnh)
- b) Kể chuyện: kể các chuyện kì ngộ, lạ lùng
- c) Kết thúc: nêu lí do kể chuyện.

Các tác giả Việt Nam theo truyền thống truyện kì Trung Quốc, nhưng lại có một quá trình hình thành và phát triển gắn liền với nền văn hóa và văn học dân tộc, đặc biệt là với văn học dân gian và văn xuôi lịch sử.

Các chi tiết kì ảo trong truyện Người con gái Nam Xương là:

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.

- Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi, được đãi yến và gặp, trò chuyện với Vũ Nương; được trở về dương thế.
- Vũ Nương hiện về sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng ở bến Hoàng Giang.

Ý nghĩa các yếu tố kì trong bài:

- Tăng sức hấp dẫn bằng sự li kì và trí tượng tượng phong phú.
 - Hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn có của Vũ Nương, một người dù đã ở thế giới khác, vẫn quan tâm đến chồng con, nhà cửa, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.
 - Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về sự công bằng: người tốt dù có phải trải qua bao oan khuất, cuối cùng sẽ được minh oan.
 - Khẳng định niềm cảm thương của tác giả đối với sự bi thảm của người phụ nữ trong xã hội
1. Phân tích hiệu quả của nghệ thuật tương phản thể hiện qua hai sự đối lập hình tượng Nguyễn Huệ với Tôn Sĩ Nghị và Lê Chiêu Thống trong hồi thứ mười bốn (Trích Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô gia văn phái)

Bài làm:

Những chân dung những nhân vật lịch sử tương phản trong đoạn trích hồi thứ 14 của tiểu thuyết *Hoàng Lê nhất thống chí* đã đem lại bức tranh sống động, gay cấn về biến động lịch sử cuối thế kỉ XVIII và mở ra cái nhìn lịch sử qua những cá nhân cụ thể. Sự đối lập khắc họa rõ nét hình ảnh giữa người anh hùng Quang Trung và lũ bè đảng bán nước cướp nước. Hình ảnh người anh hùng Quang Trung được khắc họa đậm nét với tính cách mạnh mẽ, với trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, với tài dụng binh như thần. Ông vừa là người tổ chức, vừa là linh hồn của những chiến công vĩ đại. Hình ảnh Quang Trung- Nguyễn Huệ càng trở lên chói lòa anh dũng bao nhiêu thì hình ảnh vua Lê Chiêu Thống và bè lũ bán nước càng trở nên thảm hại bấy nhiêu. Vua Lê Chiêu Thống vội vã cùng mấy bề tôi thân tín đưa Thái hậu ra ngoài, chạy bán sống bán chết, cướp cả thuyền dân để qua sông, luôn mấy ngày không ăn. Khi đuổi kịp được Tôn Sĩ Nghị, vua tôi chỉ còn biết “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt” trông đến thật hèn kém, thảm hại vô cùng.

1. Một trong những đặc điểm tiêu biểu của thơ văn trung đại là tính ước lệ. Em hãy nêu một số biểu hiện của tính ước lệ

Bài làm:

VD: Khi miêu tả Thúy Vân:

"Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da"

(Truyện Kiều- Nguyễn Du)

=> Qua nhiều hình ảnh ước lệ “khuôn trăng”, nét ngài” hay “ngọc”, “mây”, “tuyết” ta không kể hết được tỉ mỉ nhan sắc Thúy Vân nhưng ta biết được nhan sắc ấy rất tuyệt trần. Vẻ đẹp “trang trọng, đầy đặn” “nở nang, đoan trang”, “mây thua, tuyết nhường” luôn tạo cho mọi người xung quanh một tình cảm yêu mến, độ lượng. Vân hiện lên với chân dung một cô gái đoan trang, phúc hậu.

3. Tổng kết từ vựng tiếp.

a. Tại sao trong mỗi ngôn ngữ, vốn từ vựng luôn được mở rộng? Có những cách phát triển từ vựng nào? Cho ví dụ minh họa.

Bài làm:

Trong mỗi ngôn ngữ, vốn từ vựng luôn được mở rộng vì xã hội luôn vận động, phát triển không ngừng. Nhận thức của con người về thế giới cũng phát triển thay đổi theo. Nếu từ vựng của một ngôn ngữ không thay đổi thì ngôn ngữ đó không thể đáp ứng nhu cầu giao tiếp, nhận thức của con người bản ngữ.

Các cách phát triển của từ vựng:

1. Hình thức phát triển bằng phương thức chuyển nghĩa của từ ngữ: nóng (nước nóng), nóng (nóng ruột), nóng (nôn nóng), nóng (nóng tính)...
2. Hình thức phát triển số lượng các từ vựng:
 - Cấu tạo từ mới: sách đỏ, sách trắng, lâm tặc, rừng phòng hộ...
 - Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài: in-tơ-nét, cô ta, (dịch) SARS...

b. Hoàn thiện bảng sau vào vở:

Từ ngữ	Khái niệm	Vai trò	Ví dụ minh họa
Từ mượn			
Từ Hán Việt			
Thuật ngữ			
Biệt ngữ xã hội			

Bài làm:

<i>Từ ngữ</i>	<i>Khái niệm</i>	<i>Vai trò</i>	<i>Ví dụ minh họa</i>
<i>Từ mượn</i>	Từ mượn là những từ vay mượn của nước ngoài giúp tạo sự phong phú cho ngôn ngữ.	biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm... mà tiếng Việt chưa có từ thật thích hợp để biểu thị.	Ví dụ: anh hùng, taxi, internet, video, siêu nhân, băng hà...
<i>Từ Hán Việt</i>	là từ vay mượn của tiếng Hán, nhưng được đọc theo cách phát âm của tiếng Việt.	Tạo sắc thái trang trọng, nghiêm trang, biểu thị thái độ tôn kính, trân trọng, làm nổi bật ý nghĩa lớn lao của sự vật, sự việc. Tạo sắc thái cổ xưa, tao nhã, tránh thô tục, tránh gây cảm giác ghê sợ	An ninh, ẩn sĩ, bảo vệ, bản lĩnh, chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, dân chủ, độc lập, chiến tranh, hoà bình, hạnh phúc v.v...
<i>Thuật ngữ</i>	Là các từ vựng biểu thị các khái niệm	là sự đánh giá sự phát triển của các	Nguyên tố là chất cơ sở có điện tích

	trong một số lĩnh vực như khoa học, công nghệ. Thuật ngữ đặc thù riêng và không thể thiếu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.	lĩnh vực khoa học, sự đi lên của một đất nước và là điều không thể thiếu khi muốn nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ.	hạt nhân nguyên tử không thay đổi trong các phản ứng hoá học, tạo nên đơn chất hoặc hợp chất.
<i>Biệt ngữ xã hội</i>	Biệt ngữ là những từ hoặc ngữ biểu thị những sự vật, hiện tượng thuộc phạm vi sinh hoạt của một tập thể xã hội riêng biệt.	Nếu được sử dụng hợp lý sẽ góp phần tô đậm màu sắc một miền quê, làm nổi bật tính cách xã hội, cách sống, cách giao tiếp của một giai tầng xã hội.	Có: mật thám, đội xếp Thí chủ, bàn tăng, bàn đạo, phạt tử

Xem tiếp tài liệu tại: <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-9>